



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2976/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực chứng khoán thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Ngô Văn Tuấn (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Bộ (để công khai trên Cổng DVCQG);;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải công khai);
- Lưu: VT, UBCK (06b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2076/QĐ-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Bộ Tài chính)

TT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	TPHS có thể thay thế bằng dữ liệu/ thành phần hồ sơ được cắt giảm	CSDL để khai thác	Cơ quan thực hiện
1	1.009530	Thành lập, thay đổi về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	Chứng khoán	Phiếu lý lịch tư pháp	CSDL lý lịch tư pháp	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
				Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu trụ sở (trong trường hợp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)	CSDL quốc gia về đất đai	
2	1.009543	Cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Chứng khoán	Căn cước công dân	CSDL quốc gia về dân cư	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
				Văn bằng, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp	CSDL ngành giáo dục và đào tạo	
3	1.009800	Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng	Chứng khoán	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
4	1.009878	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với trường hợp phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Chứng khoán	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Phụ lục II
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TÁI CẤU TRÚC
LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2976/QĐ-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2026 của
 Bộ Tài chính)

1. Tên TTHC: Thành lập, thay đổi về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước hoặc thay đổi về hoạt động (tên, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, giám đốc chi nhánh, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh) đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn bổ sung hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

** Trường hợp thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch; bổ sung nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán tại chi nhánh:*

Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán về các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất

Bước 6: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoàn thiện cơ sở vật chất và có thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kiểm tra cơ sở vật chất tại địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch trong nước công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trước khi chấp thuận thành lập hoặc thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch trong nước hoặc bổ sung nghiệp vụ tại chi nhánh của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Bước 7: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất tại bước 6, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập/thay đổi; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

** Trường hợp thành lập văn phòng đại diện; thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm văn phòng đại diện; thay đổi giám đốc chi*

nhánh; bổ sung nghiệp vụ (trừ nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán) tại chi nhánh:

Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập/thay đổi; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

** Trường hợp thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh của công ty chứng khoán:*

+ Giấy đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện bổ sung nghiệp vụ chi nhánh của công ty chứng khoán.

+ Quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán ủy quyền cho chi nhánh hoặc thông qua bổ sung nghiệp vụ.

+ Hợp đồng thuê trụ sở, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu trụ sở, quyền sử dụng trụ sở (đối với thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện);

+ Thuyết minh cơ sở vật chất (đối với trường hợp thành lập, bổ sung nghiệp vụ).

+ Danh sách nhân sự.

+ Phiếu lý lịch tư pháp không quá 06 tháng đến thời điểm nộp hồ sơ, quyết định bổ nhiệm và Bản thông tin cá nhân của giám đốc chi nhánh (đối với trường hợp thành lập chi nhánh).

** Trường hợp thay đổi hoạt động (thay đổi tên, địa điểm, giám đốc chi nhánh) của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện:*

+ Giấy đề nghị sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.

+ Quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh.

+ Trường hợp thay đổi địa điểm, hồ sơ kèm theo thuyết minh cơ sở vật chất; hợp đồng thuê trụ sở, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu trụ sở, quyền sử dụng trụ sở.

+ Trường hợp thay đổi Giám đốc chi nhánh, hồ sơ kèm theo Bản thông tin cá nhân và Phiếu lý lịch tư pháp của Giám đốc chi nhánh không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.

Lưu ý: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp Phiếu lý lịch tư pháp khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp và Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất (trong trường hợp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Trường hợp

không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

- Thời hạn giải quyết:

** Trường hợp thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch; bổ sung nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán tại chi nhánh: 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất.*

** Trường hợp thành lập văn phòng đại diện; thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm văn phòng đại diện; thay đổi giám đốc chi nhánh; bổ sung nghiệp vụ (trừ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán) tại chi nhánh: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.*

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

** Trường hợp thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện: Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; hoặc văn bản từ chối và nêu rõ lý do.*

** Trường hợp thay đổi hoạt động (bổ sung nghiệp vụ chi nhánh; thay đổi giám đốc chi nhánh; thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện: Quyết định sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; hoặc văn bản từ chối và nêu rõ lý do.*

- Phí, lệ phí: Có.

** Theo quy định tại Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022:*

+ Lệ phí cấp mới Quyết định thành lập và hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước: 10 triệu đồng/giấy.

+ Lệ phí điều chỉnh Quyết định thành lập và hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước: 01 triệu đồng/lần cấp.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, điều chỉnh hoặc gia hạn Quyết định thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước: 01 triệu đồng/lần cấp.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh Quyết định thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán: 01 triệu đồng/lần cấp.

** Theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 (kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026):*

+ Lệ phí cấp mới Quyết định thành lập và hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước: 5 triệu đồng/giấy.

+ Lệ phí điều chỉnh Quyết định thành lập và hoạt động chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước: 500.000 đồng/lần cấp.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, điều chỉnh hoặc gia hạn Quyết định thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong nước: 500.000 đồng/lần cấp.

+ Lệ phí cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh Quyết định thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán: 500.000 đồng/lần cấp.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đề nghị thành lập (đóng cửa) chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện - Mẫu số 75 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

+ Giấy đề nghị sửa đổi quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện - Mẫu số 76 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

+ Thuyết minh cơ sở vật chất - Mẫu số 65 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

+ Danh sách nhân sự - Mẫu số 66 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

+ Bản thông tin cá nhân - Mẫu số 67 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

** Trường hợp thành lập chi nhánh, bổ sung nghiệp vụ chi nhánh:*

+ Duy trì điều kiện cấp phép kinh doanh hiện tại cho trụ sở chính và các chi nhánh, phòng giao dịch hiện tại (nếu có);

+ Có trụ sở và trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán tại chi nhánh;

+ Giám đốc chi nhánh có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của chi nhánh và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán hoặc các điểm a, c khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán (Đối với Giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán: Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của chi nhánh; Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật);

+ Giám đốc chi nhánh có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của chi nhánh và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán hoặc các điểm a, c khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán (Đối với Giám đốc chi nhánh của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của Chính phủ; Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật)

+ Có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với mỗi nghiệp vụ kinh doanh của chi nhánh.

** Trường hợp thành lập phòng giao dịch của công ty chứng khoán:*

+ Duy trì điều kiện cấp phép kinh doanh hiện tại cho trụ sở chính và các chi nhánh, phòng giao dịch hiện tại (nếu có);

+ Có tối thiểu 02 người hành nghề chứng khoán làm việc tại phòng giao dịch dự kiến thành lập.

+ Có trụ sở và trang thiết bị cho hoạt động của phòng giao dịch nằm trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi công ty chứng khoán đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh.

+ Hoạt động của phòng giao dịch chỉ bao gồm hoạt động hỗ trợ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán cho trụ sở chính hoặc chi nhánh nơi phòng giao dịch phụ thuộc.

** Trường hợp thành lập văn phòng đại diện:*

+ Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 190 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (Duy trì điều kiện cấp phép kinh doanh hiện tại cho trụ sở chính và các chi nhánh, phòng giao dịch hiện tại (nếu có);

+ Có trụ sở cho hoạt động của văn phòng đại diện.

** Thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch có kết quả kiểm tra cơ sở vật chất.*

** Đối với Giám đốc chi nhánh của công ty chứng khoán:* Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của chi nhánh; Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật.

+ Đối với Giám đốc chi nhánh của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của Chính phủ; Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật.

** Bổ sung nghiệp vụ chi nhánh*

+ Duy trì điều kiện cấp phép kinh doanh hiện tại cho trụ sở chính và các chi nhánh, phòng giao dịch hiện tại (nếu có);

+ Có trụ sở và trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán tại chi nhánh;

+ Giám đốc chi nhánh có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của chi nhánh và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán hoặc các điểm a, c khoản 5 Điều 75 Luật Chứng khoán.

+ Có tối thiểu 02 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với mỗi nghiệp vụ kinh doanh của chi nhánh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

+ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

+ Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022;

+ Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025.

+ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

+ Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

+ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP (ĐÓNG CỬA) CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty (tên đầy đủ của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:...

Đã được chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện theo Quyết định số /QĐ-UBCK ngày tháng năm(Đối với trường hợp đã được chấp thuận thành lập)

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thành lập (đóng cửa), thay đổi địa điểm chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện như sau:

Trường hợp thành lập (đóng cửa) chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện

- Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện:.....
- Địa chỉ đặt chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện:
- Điện thoại: Fax:...
- Nội dung, phạm vi hoạt động theo ủy quyền:.....

Lý do thành lập (đóng cửa), thay đổi địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

(TÓ CHỨC)

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI
NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN****Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Chúng tôi là:

- Công ty (tên đầy đủ của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Quyết định thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện số ... ngày ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sửa đổi chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện cho công ty chúng tôi như sau:

Trường hợp bổ sung, rút nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đã được cấp phép hoạt động (liệt kê chi tiết):.....

- Nghiệp vụ kinh chứng khoán đề nghị rút/bổ sung:.....

Trường hợp thay đổi tên chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện

- Tên cũ của chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện:.....
- Tên mới của chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện:.....

Trường hợp thay đổi địa điểm chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện

- Địa điểm cũ:.....
- Địa điểm mới:.....

Trường hợp thay đổi Giám đốc chi nhánh

- Giám đốc chi nhánh cũ:.....
Số định danh cá nhân/hộ chiếu.....ngày cấp.....nơi cấp.....
Số chứng chỉ hành nghề: Loại CCHN.....
- Giám đốc chi nhánh mới:.....
Số định danh cá nhân/hộ chiếu.....ngày cấp.....nơi cấp.....
Số chứng chỉ hành nghề: Loại CCHN.....

Lý do thay đổi:

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:*(Liệt kê đầy đủ)***(TÓ CHỨC)****(Người đại diện theo pháp luật)***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

DANH SÁCH NHÂN SỰ
Công ty.....

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/ Hộ chiếu (người nước ngoài)			Loại CCHN	Số chứng chỉ hành nghề	Mã số người hành nghề do UBCK xác định
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	I. Hội đồng quản trị							
2	1. Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch						
3	2. Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch						
4	3. Thành viên	Thành viên						
5	II. Ban Kiểm soát							
6								
7	III. (Tổng) giám đốc/ Giám đốc chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam							
8								
9	IV. Người hành nghề							
10	1. Chi nhánh (chi tiết từng chi nhánh)							
11	Giám đốc chi nhánh	Giám đốc						
12	2. Phòng giao dịch (chi tiết từng phòng giao dịch)							
13								

Hồ sơ gửi kèm:

-
-

TM. Cổ đông sáng lập/Thành viên sáng lập/Người đại diện pháp luật
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Loại file: excel
2. Font: Times New Roman, cỡ chữ 12
3. Đối với người nước ngoài, ghi tên nước bằng Tiếng Việt. Đối với công dân Việt Nam: ghi tỉnh, thành phố trực thuộc TW.
4. Biểu này áp dụng đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, thành lập chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và thành lập Phòng giao dịch.
5. Người ký: Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động: Cổ đông sáng lập/Thành viên sáng lập ký; Đối với công ty, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đang hoạt động: Người đại diện theo pháp luật công ty ký.
6. Cột (3) dòng 2: Chủ tịch/Phó Chủ tịch/Thành viên.
7. Cột (3) dòng 4: Trưởng Ban/Thành viên.
8. Cột (7), (8): Điền theo loại chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí công tác.
9. Cột (8): Môi giới/Phân tích/Quản lý Quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa):
2. Ngày/tháng/năm sinh:
3. Quốc tịch (các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài):
4. Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam) hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)
5. Địa chỉ liên lạc:
6. Trình độ đại học: Có ☐ Không ☐
7. Nghề nghiệp (Cá nhân, tổ chức là cổ đông, thành viên góp vốn không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định Điều 74 Luật Chứng khoán):
8. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán

TT	Loại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Số Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Mã số người hành nghề chứng khoán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

Ghi chú:

- Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.
- Mã số người hành nghề chứng khoán do UBCKNN xác định.

9. Quá trình làm việc

TT	Thời gian (Tháng/Năm)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc)	Chức vụ	Vị trí làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

10. Người có liên quan (là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán)

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKDN (tổ chức)/Định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Nơi học tập/làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn	Tỷ lệ nắm giữ (%)
----	------------------------	-------------	---	----------------------------	------------------	---	-------------------

			(người nước ngoài)			góp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

11. Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện (*trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân*)

TT	Tổ chức góp vốn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ đại diện (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					

Ghi chú:

- Cột (5) Tỷ lệ đại diện là tỷ lệ % vốn góp của tổ chức góp vốn mà người kê khai được quyền đại diện.

- Cột (6) Tỷ lệ nắm giữ là tỷ lệ % vốn góp của người kê khai nắm giữ.

- Cá nhân xin cấp CCHNCK, xin cấp lại CCHNCK chỉ kê khai thông tin từ mục 1 đến mục 9.

- Cá nhân là người nước ngoài khi kê khai thông tin tại mục 5 phải kê khai cả địa chỉ ở nước sở tại và địa chỉ hiện tại ở Việt Nam.

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng....năm....

THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam (Ghi bằng chữ in hoa):.....

Địa chỉ trụ sở:

2. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước (chỉ nêu tên nếu liên quan đến Phần II)

Địa chỉ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện (nếu có):

II. THUYẾT MINH CHI TIẾT

Địa chỉ trụ sở công ty/chi nhánh/văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước dự kiến chuyển đến:

Ghi rõ số phòng (nếu có), số tầng, tên tòa nhà (đối với các tòa nhà văn phòng cho thuê), số nhà, tên phố (đường) hoặc tên xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)

1. Diện tích, bố trí mặt bằng trụ sở làm việc

a) Tổng diện tích:

b) Bố trí phòng ban, mặt bằng giao dịch: (Liệt kê diện tích cụ thể)

- Sân giao dịch (đối với công ty có nghiệp vụ môi giới chứng khoán);

- Phòng ban, bộ phận làm việc

2. Cơ sở vật chất:

a) Cơ sở vật chất chung

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hệ thống trang thiết bị văn phòng		
2	Máy tính nhân viên		
			

b) Hệ thống phục vụ cho hoạt động giao dịch:

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Máy chủ (server)		
	Thiết bị mạng		
	Máy tính nhân viên		
	Đường truyền		
	Điện thoại/Tổng đài điện		

	thoại		
	Máy in		
	Máy fax		
	Bàn ghế		
	Đèn chiếu		
	Phần mềm giao dịch		
	Công bố thông tin		
	Kho kết		
	Thiết bị khác		

c) Hệ thống phục vụ cho hoạt động tự doanh:

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Máy chủ (server)		
	Thiết bị mạng		
	Máy tính nhân viên		
	Đường truyền		
	Điện thoại/Tổng đài điện thoại		
	Máy in		
	Máy fax		
	Bàn ghế		
	Đèn chiếu		
	Phần mềm giao dịch		
	Kho kết		
	Thiết bị khác		

d) Hệ thống phục vụ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Thiết bị mạng		
	Máy tính nhân viên		
			

đ) Hệ thống phục vụ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Thiết bị mạng		
	Máy tính nhân viên		
			

e) Hệ thống phục vụ hoạt động quản lý danh mục chứng khoán, quản lý tài sản

TT	Thiết bị, phần mềm	Mô tả chức năng/thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Thiết bị mạng		
	Máy tính nhân viên		
			

g) Hệ thống dự phòng:

h) Hệ thống lưu trữ thông tin, tài liệu:

i) Hệ thống an ninh, bảo mật:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực những nội dung trên.

Hồ sơ gửi kèm: 1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động
(Liệt kê đầy đủ) **TM. CỎ ĐÔNG SÁNG LẬP/THÀNH VIÊN SÁNG LẬP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. Đối với công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam
đang hoạt động

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2. Tên thủ tục “Cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán”

- Trình tự thực hiện:

** Trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (của các đợt thi thực hiện hồ sơ thi cũng đồng thời là hồ sơ cấp theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ):*

Bước 1: Cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đồng thời là hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận Một cửa) hướng dẫn bổ sung hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đối với các cá nhân đủ điều kiện dự thi và thông báo kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

+ Trường hợp có kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đạt:

Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định, thí sinh phải hoàn thiện Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày trên văn bản đề nghị bổ sung. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp có kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa đạt một phần:

Bước 4: Cá nhân nộp hồ sơ đăng ký dự thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

** Trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (của các đợt thi đã tổ chức thi hoặc có ngày bắt đầu nhận hồ sơ thi trước ngày có hiệu lực của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP thực hiện theo Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)*

Bước 1: Cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi đã có kết quả Đạt của các đợt thi cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán tổ

chức trước ngày có hiệu lực của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP hoặc của các đợt thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có ngày bắt đầu nhận hồ sơ trước ngày Nghị định số 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực.

Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận Một cửa) hướng dẫn bổ sung hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi cá nhân nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

** Trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán do bị mất, hỏng chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán:*

Bước 1: Cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận Một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận Một cửa) hướng dẫn bổ sung hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi cá nhân nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Bước 4: Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bước 5: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

** Trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c*

khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (của các đợt thi thực hiện hồ sơ thi cũng đồng thời là hồ sơ cấp theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ):

+ Giấy đăng ký dự thi/thi lại sát hạch và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề -chứng khoán theo mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ;

+ Bản thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I.3 ban hành kèm Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

Lưu ý: Phiếu lý lịch tư pháp có thể được nộp về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

+ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sỹ, tiến sỹ;

- Đối với người Việt Nam có bằng đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền và bản sao chứng thực của giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định.

- Đối với người nước ngoài có bằng Đại học trở lên do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền và phải được hợp pháp hóa lãnh sự.

+ Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ tương đương các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán;

+ Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, hồ sơ kèm theo văn bản xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán do các tổ chức nơi người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã từng làm việc hoặc đang làm việc cung cấp.

Các thành phần hồ sơ trên phải đáp ứng quy định chung về việc nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Lưu ý: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp căn cước công dân khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và văn bằng, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được

thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

** Trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (của các đợt thi đã tổ chức thi hoặc có ngày bắt đầu nhận hồ sơ thi trước ngày có hiệu lực của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP thực hiện theo Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)*

+ Giấy đăng ký dự thi/thi lại sát hạch và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề - chứng khoán theo mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

+ Bản thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 67 Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sỹ, tiến sỹ;

+ Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương;

+ Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, hồ sơ kèm theo văn bản xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán do các tổ chức nơi người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã từng làm việc hoặc đang làm việc cung cấp.

Các thành phần hồ sơ trên đáp ứng quy định chung về việc nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.

** Trường hợp cá nhân đăng ký dự thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (đối với phần chưa đạt) và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:*

- Trường hợp cá nhân đăng ký dự thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (đối với phần chưa đạt) và đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán của các đợt thi chưa áp dụng quy định hồ sơ thi đồng thời là hồ sơ cấp tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP: Thực hiện nộp đầy đủ thành phần hồ sơ như tại đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản

3 Điều 97 Luật Chứng khoán (của các đợt thi thực hiện hồ sơ thi cũng đồng thời là hồ sơ cấp theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

- Trường hợp cá nhân đăng ký dự thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (đối với phần chưa đạt) và đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán của các đợt thi đã áp dụng quy định hồ sơ thi đồng thời là hồ sơ cấp tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP

+ Giấy đăng ký dự thi/thi lại sát hạch và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề -chứng khoán theo mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ;

+ Bản thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Phụ lục I.3 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Phiếu lý lịch tư pháp số 1 được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

Lưu ý: Phiếu lý lịch tư pháp có thể được nộp về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

+ Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ.

Các thành phần hồ sơ trên phải đáp ứng quy định chung về việc nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Lưu ý: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp căn cước công dân khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và văn bằng, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán do bị mất, hỏng chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán:

+ Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ;

+ Thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

+ 02 ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

+ Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.

Các thành phần hồ sơ trên phải đáp ứng quy định chung về việc nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Lưu ý: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp căn cước công dân khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và văn bằng, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc.

- Thời hạn giải quyết:

+ Thời hạn ra quyết định cấp hoặc quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán và thông báo nộp lệ phí hoặc văn bản từ chối (của các đợt thi thực hiện hồ sơ thi cũng đồng thời là hồ sơ cấp theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ): Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đối với trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Phiếu lý lịch tư pháp: Thời hạn ra quyết định cấp hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán và thông báo nộp lệ phí hoặc văn bản từ chối: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ.

+ Thời hạn ra quyết định cấp hoặc quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau khi bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán (của các đợt thi đã tổ chức thi hoặc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ thi trước ngày có hiệu lực của Nghị định số 245/2025/NĐ-CP thực hiện theo Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP): 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

+ Thời hạn ra quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán do bị mất, hỏng chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

+ Chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp, cấp lại; văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc văn bản từ chối.

- Phí, lệ phí: Có

** Theo quy định tại Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022.*

+ Cấp mới/cấp lại giấy chứng nhận (chứng chỉ) hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề chứng khoán tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán: 01 triệu đồng/lần cấp

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đăng ký dự thi/thi lại sát hạch và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán - Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

+ Bản thông tin cá nhân - Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Phụ lục I.3 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao tư pháp, ngân hàng;

+ Giấy đăng ký dự thi/thi lại sát hạch và đề nghị cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán - Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

+ Bản thông tin cá nhân - Mẫu số 67 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Chứng chỉ hành nghề môi giới chứng khoán được cấp cho cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

+ Có trình độ từ đại học trở lên;

+ Có trình độ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm: Có chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán hoặc chứng chỉ tương đương.

+ Đạt yêu cầu trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp. Người nước ngoài có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc những người đã hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài phải đạt yêu cầu trong kỳ thi sát hạch pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Việt Nam.

+ (2) Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính được cấp cho cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Điều kiện tại điểm (1) nêu trên;

+ Có các chứng chỉ chuyên môn bao gồm: Chứng chỉ tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp hoặc chứng chỉ tương đương.

(3) Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây:

- + Điều kiện tại điểm (2) nêu trên;
- + Có chứng chỉ chuyên môn Quản lý quỹ và tài sản hoặc các chứng chỉ tương đương;
- + Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm tại các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán trong các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp tại nước ngoài.

(4) Trường hợp cá nhân đăng ký dự thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (đối với phần chưa đạt):

Thí sinh được thi lại phần chưa đạt trong vòng 01 năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu hoặc kì thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán gần nhất liền sau kì thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán thí sinh tham dự.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
- + Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;
- + Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022;
- + Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định về cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu;
- + Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao tư pháp, ngân hàng.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ THI/THI LẠI SÁT HẠCH VÀ ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa):
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Quốc tịch (các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài):
4. Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam) hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)
5. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên): (ghi chi tiết số nhà, khối/xóm, phường/xã, thành phố, tỉnh)
6. Trình độ chuyên môn:
7. Đơn vị công tác: (ghi rõ tên đơn vị, chức vụ, vị trí, bộ phận hiện đang làm việc - nếu có)
8. Số điện thoại liên lạc:
9. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được cấp:
☐ Môi giới chứng khoán;
☐ Phân tích tài chính;
☐ Quản lý quỹ.

Số: Ngày cấp:

**II. ĐĂNG KÝ DỰ THI/THI LẠI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
CHỨNG KHOÁN**

Tôi xin đăng ký dự thi/thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán cụ thể như sau:

1. Đăng ký dự thi/thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán loại:
CHỨNG CHỈ(chữ in
hoa)

Đăng ký thi lại phần (đối với trường hợp thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán)

2. Địa điểm đăng ký dự thi: (ghi rõ Hà Nội hoặc Tp. HCM).

III. ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Trường hợp kết quả thi sát hạch của tôi đạt yêu cầu, tôi đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cấp (*cấp lại*) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tôi cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (*đối với trường hợp cấp lại*):

2. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị được cấp (*cấp lại*):

- ☐ Môi giới chứng khoán;
- ☐ Phân tích tài chính;
- ☐ Quản lý quỹ.

** Địa chỉ đăng ký nhận Chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy):*

☐ Nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

☐ Nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ:

.....

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

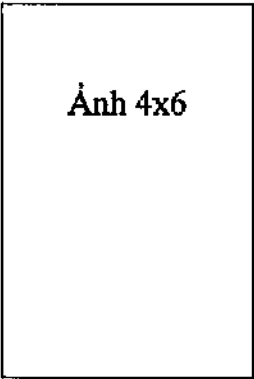
Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐĂNG KÝ, ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Phụ lục I.3 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa):
.....
2. Ngày/tháng/năm sinh:
.....
3. Quốc tịch (các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài):
.....
4. Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam) hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)
.....
5. Địa chỉ liên lạc:
.....
6. Trình độ đại học: Có ☐ Không ☐
7. Nghề nghiệp (Cá nhân, tổ chức là cổ đông, thành viên góp vốn không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định Điều 74 Luật Chứng khoán):
.....
8. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán

TT	Loại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Số Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Mã số người hành nghề chứng khoán
----	--------------------------------------	------------------------	----------	-----------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

Ghi chú:

- Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.
- Mã số người hành nghề chứng khoán do UBCKNN xác định.

9. Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ tương đương

9.1. Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán

TT	Loại Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán	Số Chứng chỉ	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán		
2	Chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán		
3	Chứng chỉ phân tích và đầu tư chứng khoán		
4	Chứng chỉ môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán		
5	Chứng chỉ tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán		
6	Chứng chỉ phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp		
7	Chứng chỉ quản lý quỹ và tài sản		

Ghi chú: Các cá nhân có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bắt buộc phải khai mục này (trừ trường hợp được chứng minh bằng các chứng chỉ tương đương các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán).

9.2. Chứng chỉ tương đương chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán (liệt kê cụ thể tên loại chứng chỉ tương đương, ngày cấp, nơi cấp)

10. Quá trình làm việc

TT	Thời gian (Tháng/Năm)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc)	Chức vụ	Vị trí làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

11. Người có liên quan (là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán)

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKDN (tổ chức)/Định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)	Nơi học tập/làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

12. Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

TT	Tổ chức góp vốn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ đại diện (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					

Ghi chú:

- Cột (5) Tỷ lệ đại diện là tỷ lệ % vốn góp của tổ chức góp vốn mà người kê khai được quyền đại diện.

- Cột (6) Tỷ lệ nắm giữ là tỷ lệ % vốn góp của người kê khai nắm giữ.
- Cá nhân xin cấp CCHNCK, xin cấp lại CCHNCK chỉ kê khai thông tin từ mục 1 đến mục 10.
- Cá nhân là người nước ngoài khi kê khai thông tin tại mục 5 phải kê khai cả địa chỉ ở nước sở tại và địa chỉ hiện tại ở Việt Nam.

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Tên thủ tục “Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng”

+ Bước 1: Công ty đại chúng nộp hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.

+ Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn bổ sung danh mục hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi công ty đại chúng nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

+ Bước 4: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng hoặc Giấy thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh) hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh.

+ Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với trường hợp công ty đại chúng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Công ty đại chúng không phải nộp tài liệu theo quy định tại các điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP trong trường hợp các tài liệu này đã được công bố trên Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

Lưu ý: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân,

tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện:** Công ty đại chúng.

- **Cơ quan thực hiện:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- **Kết quả thực hiện:**

+ Văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.

+ Văn bản từ chối (nếu rõ lý do).

- **Phí, lệ phí:** Không có.

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng – Mẫu số 38 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

+ Thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng – Mẫu số 39 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP..

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không có

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14;

+ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

+ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định về cắt giảm, đơn giản hoá TTHC dựa trên dữ liệu.

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm

**THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA
TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm

Chúng tôi là:

Công ty: Mã chứng khoán:

Website:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: Email:

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là:.....%

Lí do: *(Nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP).*

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
...						
(Liệt kê đầy đủ tất cả ngành nghề của Công ty)						
Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là ...%						

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:

- Liệt kê đầy đủ các tài liệu gửi kèm;
- Đối với các tài liệu đã công bố thông tin trên Hệ thống Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: liệt kê đầy đủ đường link công bố thông tin trên trang công bố thông tin

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các tài liệu này hoặc đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm

Chúng tôi là:

Công ty: Mã chứng khoán:

Website:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: **Fax:** **Email:**

Xin thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty như sau:

- Tỷ lệ SHNN tối đa (trước khi thay đổi):...%

- Tỷ lệ SHNN tối đa điều chỉnh theo quy định pháp luật:....%

- Lý do điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:.....

((Nếu rõ lý do thay đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 4, Điều 3 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)).

[illegible]

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này./.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:

- Liệt kê đầy đủ các tài liệu gửi kèm;
- Đối với các tài liệu đã công bố thông tin trên Hệ thống Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: liệt kê đầy đủ đường link công bố thông tin trên trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các tài liệu này hoặc đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

4. Tên thủ tục “Chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với trường hợp phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước”

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán;

+ Bước 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ phận một cửa) tiếp nhận và kiểm tra danh mục hồ sơ. Trường hợp danh mục chưa đầy đủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn bổ sung danh mục hồ sơ theo quy định.

+ Bước 3: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung.

+ Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, tài liệu hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hoặc từ chối chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

+ Công văn đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán;

+ Hợp đồng giao dịch hoặc giấy tờ thỏa thuận giữa các bên;

+ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu doanh nghiệp của các bên chuyển quyền sở hữu (đối với tổ chức trong nước) thông qua việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

+ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua việc không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán;

+ Công văn nêu ý kiến của tổ chức phát hành chứng khoán được chuyển quyền sở hữu về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán giữa các nhà đầu tư nêu trong hồ sơ;

+ Văn bản xác nhận của thành viên lưu ký (trường hợp chứng khoán đã lưu ký) hoặc tổ chức phát hành, công ty đại chúng (trường hợp chứng khoán chưa lưu ký) về số lượng chứng khoán chuyển quyền sở hữu mà các bên chuyển quyền sở hữu hiện đang sở hữu;

+ Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành có ý kiến về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán của tổ chức phát hành, công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có ý kiến;

+ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương của các bên chuyển quyền sở hữu là tổ chức;

+ Giấy chứng nhận đăng ký mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp;

+ Giấy ủy quyền hoặc tài liệu chứng minh thẩm quyền ký kết hợp đồng giao dịch;

+ Văn bản của các bên chuyển quyền sở hữu làm rõ các nội dung liên quan đến việc công bố thông tin, chào mua công khai, thanh toán không dùng tiền mặt, nguồn vốn đảm bảo thanh toán và các nội dung khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Lưu ý: Không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan giải quyết TTHC khai thác được thông tin về dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, tài liệu hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện:** Các bên chuyển quyền sở hữu hoặc Công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ cho các bên chuyển quyền sở hữu.

- **Cơ quan thực hiện:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- **Kết quả thực hiện:**

+ Công văn chấp thuận về việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán hoặc

+ Công văn từ chối.

- **Phí, lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không có

- **Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

+ Thông tư số 119/2020/TT-BTC;

+ Thông tư số 14/2025/TT-BTC;

+ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.